**Phụ lục số 04**

UBND TỈNH KON TUM
**CÔNG TY TNHH MTV**
**LÂM NGHIỆP ĐĂK GLEI**

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA QUÝ II/2024 CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐĂK GLEI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

***ĐVT: Triệu đồng***

| STT | Tên doanh nghiệp | Văn bản phê duyệt Kế hoạch cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền phủ phê duyệt | QĐ công bố giá trị doanh nghiệp | | | | QĐ Phê duyệt phương án CPH | | | | | | | | Ngày bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu (IPO) | Giá trị vốn NN (DNNN) nắm giữ sau khi bán cổ phần lần đầu | Tình hình thực tế | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | Bán cho NĐT chiến lược | | Bán cho người lao động | |
| | | | Số QĐ | Ngày phê duyệt QĐ | Giá trị thực tế DN | Giá trị thực tế phần vốn NN (DNNN) tại DN | Số QĐ | Ngày phê duyệt QĐ | Vốn điều lệ | Giá trị NN (DNNN) nắm giữ | Giá trị bán cho nhà đầu tư chiến lược (nếu có) | Giá trị bán cho người lao động | Giá trị bán cho Tổ chức công đoàn (nếu có) | Giá trị bán công khai | | | Giá trị số cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về | Giá trị số cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 1 | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei | Không | Không | | | | Không | | | | | | | | Không | Không | Không | | | |

***ĐVT: Triệu đồng***

| triển khai phương án cổ phần hóa bán cổ phần lần đầu | | | | | | | Ngày đại hội cổ đông lần đầu | Ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu | Quyết toán quá trình cổ phần hóa tại thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán cho TC công đoàn | | Bán đấu giá công khai | | Số phải nộp về Quỹ HTSX&PTDN (tiền thu từ bán CP lần đầu) | | | | | Vốn điều lệ | Giá trị vốn NN (DNNN) nắm giữ | Giá trị cổ đông chiến lược nắm giữ | Giá trị tổ chức công đoàn nắm giữ | Giá trị cán bộ, công nhân viên nắm giữ | Giá trị cá cổ đông khác nắm giữ | Chi phí cổ phần hóa | Chi phí hỗ trợ lao động dôi dư | | Giá trị vốn NN (DNNN) tăng thêm từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu | Số phải nộp về Quỹ HTSXDN | | |
| Giá trị số cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về | Giá trị số cổ phần bán ra theo mệnh giá | Giá trị thực tế thu về | Số phải nộp về Quỹ HTSX & PTDN | Số đã nộp | Số còn phải nộp | | | | | | | | | | Số lao động dôi dư được hỗ trợ | Số tiền hỗ trợ | | Số phải nộp về Quỹ HTSX& PTDN | Số đã nộp | Số còn phải nộp |
| 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28=26-27 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43=41-42 |
| Không | | | | | | | Không | Không | Không | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:***

Cột số 3: Ghi rõ số, ngày và cấp có thẩm quyền ban hành văn bản phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa

Cột số 4-7 Căn cứ Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền ban hành

Cột số 8-15 Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền ban hành

Cột số 17-28 Căn cứ thực tế sau khi bán cổ phần lần đầu

Cột số 31-43 Căn cứ Quyết định phê duyệt phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và thực tế triển khai

*Đăk Glei, ngày 20 tháng 06 năm 2024*

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐĂK GLEI**